

Số : 04/CBTT-DVW

Đồng Nai, ngày 15 tháng 3 năm 2021



V/v: Công bố thông tin Báo cáo tài chính
kiểm toán năm 2020 của DVW

CÔNG BỐ THÔNG TIN

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

I- GIỚI THIỆU VỀ TỔ CHỨC CÔNG BỐ THÔNG TIN:

- 1- Tên Công ty: Công ty cổ phần Dịch vụ và xây dựng cấp nước Đồng Nai.
- 2- Trụ sở chính: Số 52 Cách mạng tháng 8, Phường Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.
- 3- Điện thoại: (0251) 3941679 Fax: (0251) 3840797
- 4- Email: dvxcdn@yahoo.com.vn Website: www.dvxcdn.com
- 5- Người thực hiện công bố thông tin: **Lê Chí Nguyên Thăng**
- 6- Điện thoại (di động): 0909385874 Email: lcnthang@gmail.com
- 7- Loại thông tin công bố:
 Định kỳ 24h Theo yêu cầu Khác

II- NỘI DUNG THÔNG TIN CÔNG BỐ:

Công bố thông tin Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2020 của Công ty cổ phần Dịch vụ và xây dựng cấp nước Đồng Nai do Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam thực hiện.

(Đính kèm Tài liệu Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2020)

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 15/3/2021 tại Website: www.dvxcdn.com

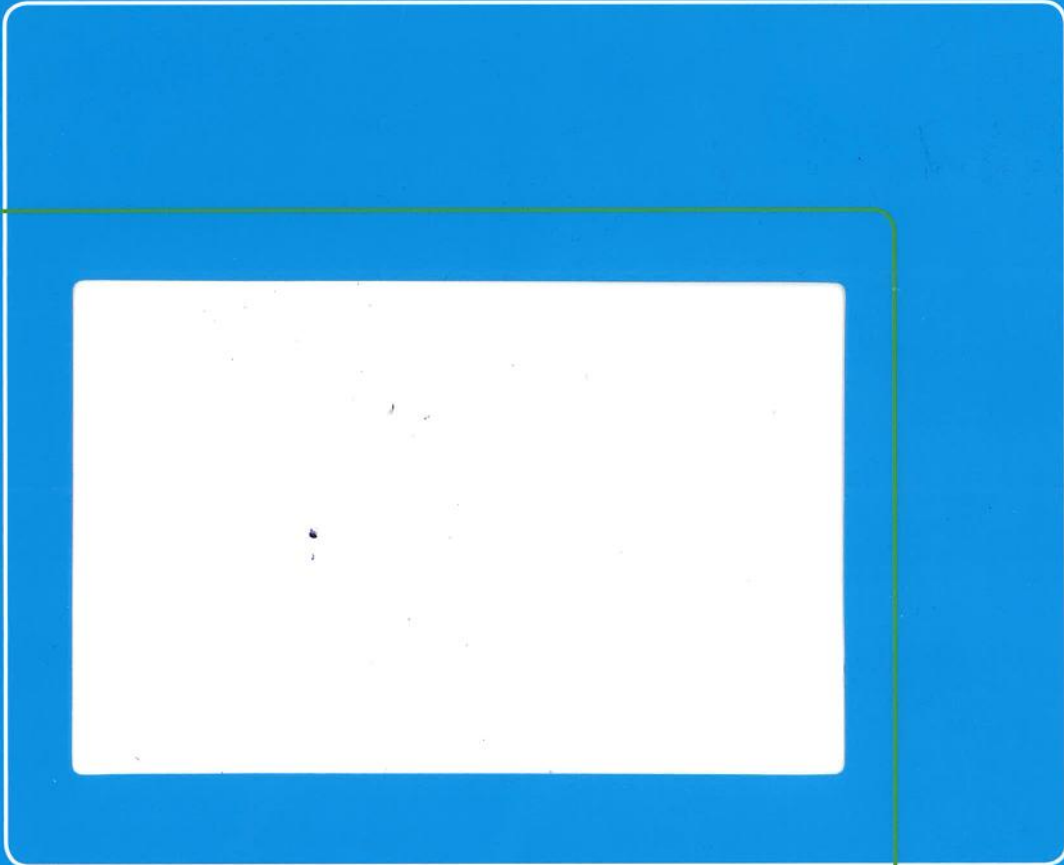
Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BGĐ Công ty;
- Trưởng BKS;
- Lưu VT.

**NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN
CÔNG BỐ THÔNG TIN
KẾ TOÁN TRƯỞNG**

Lê Chí Nguyên Thăng



**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ
VÀ XÂY DỰNG CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2020



CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VÀ XÂY DỰNG CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Số 52, Đường Cách Mạng Tháng 8, Phường Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 – 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 – 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	5 – 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8
Dẫn thuyết minh báo cáo tài chính	9 – 28

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VÀ XÂY DỰNG CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Số 52, Đường Cách Mạng Tháng 8, Phường Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Dịch vụ và Xây dựng cấp nước Đồng Nai (dưới đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đính kèm đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Chủ tịch (Bổ nhiệm ngày 20 tháng 04 năm 2020)
Ông Nguyễn Cao Hà	Chủ tịch (Miễn nhiệm ngày 20 tháng 04 năm 2020)
Ông Đặng Nguyễn Thanh An	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 20 tháng 04 năm 2020)
Ông Đặng Trọng Thành	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 20 tháng 04 năm 2020)
Ông Trần Chiến Thắng	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Bà Đỗ Thị Thúy Hằng	Trưởng ban
Bà Ngô Thị Đài Trang	Thành viên
Bà Đặng Thị Thắm	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Phạm Ngọc Tú	Giám đốc
Ông Trần Chiến Thắng	Phó Giám đốc
Ông Phan Bình	Phó Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 01 tháng 05 năm 2020)

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam, thành viên RSM Quốc tế.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hằng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính.

398
CỔ
CƠ
HỮU
HẠN
ÁP
DỤNG
HÒA

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VÀ XÂY DỰNG CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Số 52, Đường Cách Mạng Tháng 8, Phường Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty công bố rằng, báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Phạm Ngọc Tú
Giám đốc

Đồng Nai, ngày 08 tháng 03 năm 2021

CÔNG TY
CỔ PHẦN
DỊCH VỤ VÀ XÂY DỰNG
CẤP NƯỚC
ĐỒNG NAI



RSM Vietnam

Lầu 5, Tòa nhà Sài Gòn 3
140 Nguyễn Văn Thủ, Phường Đa Kao
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam

T +8428 3827 5026
F +8428 3827 5027

www.rsm.global/vietnam

Số: 181/2021/KT-RSMHCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các thành viên Hội đồng Quản trị
Các thành viên Ban Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VÀ XÂY DỰNG CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI**

Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Dịch vụ và Xây dựng Cấp nước Đồng Nai (dưới đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 08 tháng 03 năm 2021 từ trang 05 đến trang 28, bao gồm Bảng cân đối kế toán lại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính nợ lũy của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

THE POWER OF BEING UNDERSTOOD
AUDIT | TAX | CONSULTING

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần Dịch vụ và Xây dựng Cấp nước Đồng Nai tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC



Lục Thị Vân
Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:
0172-2018-026-1

Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam
TP. Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 03 năm 2021



Trịnh Thanh Thanh
Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:
2820-2020-026-1

CHỖ ĐÓNG CHỮ
CÁI ĐÓNG CHỮ

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31/12/2020

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2020	Tại ngày 01/01/2020
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		38.685.655.491	36.225.103.645
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4.1	6.596.443.260	10.905.024.110
1. Tiền	111		2.296.443.260	7.905.024.110
2. Các khoản tương đương tiền	112		4.300.000.000	3.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	4.2	16.600.000.000	13.300.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		16.600.000.000	13.300.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		8.936.584.949	10.492.844.218
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.3	5.560.741.177	10.240.281.070
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		129.112.760	217.276.849
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	4.4	3.454.846.387	185.211.406
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	4.5	(208.115.375)	(149.925.197)
IV. Hàng tồn kho	140		6.346.535.185	1.270.232.457
1. Hàng tồn kho	141	4.6	6.346.535.185	1.270.232.457
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		206.092.097	257.002.860
1. Thuê và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	4.10	206.092.097	257.002.860
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		36.241.959.180	41.715.343.504
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		615.992.000	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	4.3	2.112.496.072	1.522.275.348
2. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219	4.5	(1.496.504.072)	(1.522.275.348)
II. Tài sản cố định	220		35.623.967.180	41.715.343.504
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.7	35.590.505.262	41.568.759.028
Nguyên giá	222		99.805.450.415	99.767.850.415
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(64.214.945.153)	(58.199.091.387)
2. Tài sản cố định vô hình	227		33.461.918	146.584.476
Nguyên giá	228		340.000.000	340.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(306.538.082)	(193.415.524)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		2.000.000	-
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		2.000.000	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		74.927.614.671	77.940.447.149

(Xem trang tiếp theo)

82
 IG
 PH.
 XA
 NU
 GA
 -T.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VÀ XÂY DỰNG CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Số 52, Đường Cách Mạng Tháng 8, Phường Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Tại ngày 31/12/2020

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2020	Tại ngày 01/01/2020
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		33.514.993.708	35.991.201.124
I. Nợ ngắn hạn	310		22.398.876.864	19.250.084.280
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	4.8	2.886.051.170	802.754.716
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	4.9	3.142.685.805	608.182.200
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.10	474.856.219	589.056.343
4. Phải trả người lao động	314	4.11	4.191.598.551	3.180.035.332
5. Phải trả ngắn hạn khác	319		730.331.982	3.067.317.065
6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	4.12	5.625.000.000	5.625.000.000
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	4.13	5.348.353.137	5.377.738.624
II. Nợ dài hạn	330		11.116.116.844	16.741.116.844
1. Phải trả người bán dài hạn	331		84.866.844	84.866.844
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		250.000.000	250.000.000
3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	4.12	10.781.250.000	16.406.250.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		41.412.620.963	41.949.246.025
I. Vốn chủ sở hữu	410	4.14	41.412.620.963	41.949.246.025
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		23.450.000.000	23.450.000.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		23.450.000.000	23.450.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		31.510.500	31.510.500
3. Quỹ đầu tư phát triển	418	4.14.5	7.340.165.441	6.331.347.929
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		10.590.945.022	12.136.387.596
LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	421a		4.973.843.571	5.410.937.519
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		5.617.101.451	6.725.450.077
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		74.927.614.671	77.940.447.149



Phạm Ngọc Tú
Giám đốc

Đồng Nai, ngày 08 tháng 03 năm 2021

Lê Chí Nguyên Thăng
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Hoa
Người lập

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VÀ XÂY DỰNG CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Số 52, Đường Cách Mạng Tháng 8, Phường Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Mẫu số B 02 - DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2020	Năm 2019
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.1	47.447.099.251	63.451.975.911
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	3.927.166
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		47.447.099.251	63.448.048.745
4. Giá vốn hàng bán	11	5.2	30.233.321.482	44.523.481.672
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		17.213.777.769	18.924.567.073
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.3	1.223.054.025	524.147.984
7. Chi phí tài chính	22	5.4	1.357.539.000	1.746.163.000
<i>Trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		<i>1.357.539.000</i>	<i>1.746.163.000</i>
8. Chi phí bán hàng	25	5.5	4.054.578.367	3.311.212.784
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.6	6.913.548.850	6.523.800.832
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		6.111.165.577	7.867.538.441
11. Thu nhập khác	31		328.565.483	45.808.975
12. Chi phí khác	32		287.632.087	2.232.086
13. Lợi nhuận khác	40		40.933.396	43.576.889
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		6.152.098.973	7.911.115.330
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.8	534.997.522	1.185.665.253
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		5.617.101.451	6.725.450.077
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	4.14.3	1.988	2.380
18. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	4.14.4	1.988	2.380



Phạm Ngọc Tú
Giám đốc

Đồng Nai, ngày 08 tháng 03 năm 2021

Lê Chí Nguyên Thăng
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Hoa
Người lập

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2020	Năm 2019
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		6.152.098.973	7.911.115.330
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
Khấu hao TSCĐ	02	5.7	6.128.976.324	10.101.268.460
Các khoản dự phòng	03	5.7	32.418.902	(887.175.298)
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(1.223.054.025)	(569.602.529)
Chi phí lãi vay	06		1.357.539.000	1.746.163.000
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		12.447.979.174	18.301.768.963
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		701.756.270	10.649.575.919
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(5.076.302.728)	(973.477.185)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		5.280.442.067	(842.102.097)
Tiền lãi vay đã trả	14		(1.357.539.000)	(1.746.163.000)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(269.758.658)	(2.191.775.062)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(1.493.112.000)	(1.548.818.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		10.233.465.125	21.649.009.538
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(39.600.000)	(239.500.000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	45.454.545
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(3.300.000.000)	(13.300.000.000)
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.223.054.025	524.147.984
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(2.116.545.975)	(12.969.897.471)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền trả nợ gốc vay	34	6.1	(5.625.000.000)	(5.625.000.000)
2. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(6.800.500.000)	(5.862.500.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(12.425.500.000)	(11.487.500.000)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM (50 = 20 + 30 + 40)	50		(4.308.580.850)	(2.808.387.933)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		10.905.024.110	13.713.412.043
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM (70 = 50 + 60 + 61)	70	4.1	6.596.443.260	10.905.024.110



Phạm Ngọc Tú
Giám đốc

Đồng Nai, ngày 08 tháng 03 năm 2021

Lê Chí Nguyên Thăng
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Hoa
Người lập

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VÀ XÂY DỰNG CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Số 52, Đường Cách Mạng Tháng 8, Phường Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Mẫu B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Dịch vụ và Xây dựng cấp nước Đồng Nai (dưới đây gọi tắt là "Công ty") trước đây là Xí nghiệp Thiết kế xây dựng - một đơn vị trực thuộc của Công ty TNHH MTV Cấp nước Đồng Nai. Ngày 24 tháng 09 năm 2007, Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai đã ban hành Quyết định số 3058/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa và chuyển Xí nghiệp Thiết kế xây dựng thành công ty cổ phần. Công ty cổ phần Dịch vụ và Xây dựng cấp nước Đồng Nai chính thức đi vào hoạt động theo hình thức công ty cổ phần từ ngày 18 tháng 02 năm 2008 theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4703000499 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp và các Giấy phép thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 11 tháng 07 năm 2019.

Công ty chính thức được cấp phép đăng ký giao dịch chứng khoán theo Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số 241/2017/GCNCP-VSD ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam. Ngày 29 tháng 05 năm 2018, Công ty chính thức được giao dịch chứng khoán tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 289/QĐ-SGDHN.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 23.450.000.000 VND, được chi tiết như sau:

Nhà đầu tư	Quốc gia/ Quốc tịch	Tại ngày 31/12/2020		Tại ngày 01/01/2020	
		Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)
Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai	Việt Nam	8.442.000.000	36	8.442.000.000	36
Các nhà đầu tư khác	Việt Nam	15.008.000.000	64	15.008.000.000	64
Cộng		23.450.000.000	100	23.450.000.000	100

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại Số 52, Đường Cách Mạng Tháng 8, Phường Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 110 (31/12/2019: 113).

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất và dịch vụ.

1.3. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Xây dựng công trình đường ống cấp thoát nước, trạm bơm;
- Xây dựng công trình dân dụng;
- Xây dựng công trình công nghiệp;
- Lắp đặt ống cấp nước, thoát nước, bơm;
- Thiết kế kết cấu công trình dân dụng, công nghiệp, công trình công nghiệp;
- Giám sát thi công lắp đặt thiết bị công trình, xây dựng và hoàn thiện công trình cấp nước;
- Giám sát xây dựng và hoàn thiện công trình dân dụng;
- Sản xuất sản phẩm kim loại ngành xây dựng (Không sản xuất tại trụ sở);
- Khai thác nước phục vụ công nghiệp;
- Khai thác, lọc nước phục vụ sinh hoạt đô thị và công nghiệp, phân phối nước sạch.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

2.1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND"), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

2.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

2.3. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4. Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là VND.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU ĐƯỢC ÁP DỤNG

3.1. Các ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc về tất cả những thông tin liên quan có sẵn tại ngày lập báo cáo tài chính, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Các khoản tương đương tiền được xác định phù hợp với Chuẩn mực kế toán "Báo cáo lưu chuyển tiền tệ".

3.3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi có kỳ hạn.

3.4. Nợ phải thu

Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Nguyên tắc dự phòng nợ phải thu khó đòi

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng có khả năng không thu hồi được đúng hạn với mức trích lập phù hợp với mức quy định tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08 tháng 08 năm 2019 của Bộ Tài chính để bảo đảm phản ánh giá trị các khoản nợ phải thu không cao hơn giá trị có thể thu hồi được.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.5. Hàng tồn kho

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác để mang hàng tồn kho đến đúng điều kiện và địa điểm hiện tại của chúng. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả các chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên tình hình hoạt động bình thường.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Tại ngày lập báo cáo tài chính, dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho hàng tồn kho bị hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời, chậm luân chuyển và hàng tồn kho có giá gốc ghi trên sổ kế toán cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được với mức trích lập theo hướng dẫn tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08 tháng 08 năm 2019 của Bộ Tài chính để bảo đảm phản ánh giá trị hàng tồn kho không cao hơn giá thị trường.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

Nguyên liệu, vật liệu và công cụ dụng cụ dự trữ để sử dụng cho mục đích sản xuất ra sản phẩm không được lập dự phòng nếu sản phẩm do chúng góp phần cấu tạo nên sẽ được bán bằng hoặc cao hơn giá thành sản xuất của sản phẩm.

3.6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Trường hợp mua tài sản cố định được kèm thêm thiết bị, phụ tùng thay thế thì xác định và ghi nhận riêng thiết bị, phụ tùng thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh và chi phí lắp đặt, chạy thử trừ đi giá trị sản phẩm thu hồi trong quá trình chạy thử, sản xuất thử.

Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

- | | |
|----------------------------------|-------------|
| ▪ Nhà cửa, vật kiến trúc | 05 – 25 năm |
| ▪ Máy móc thiết bị | 05 – 12 năm |
| ▪ Phương tiện vận tải truyền dẫn | 06 – 30 năm |
| ▪ Thiết bị, dụng cụ quản lý | 03 – 06 năm |

3.7. Nợ phải trả

Nợ phải trả được phân loại là phải trả người bán và phải trả khác theo nguyên tắc: Phải trả người bán là khoản phải trả có tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua; Các khoản phải trả còn lại được phân loại là phải trả khác.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng.

Nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

3.8. Nguồn vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo phần chênh lệch giữa giá trị tài sản, nợ phải trả được chuyển thành vốn lớn hơn giá trị phần vốn được tính là vốn góp của chủ sở hữu.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

3.9. Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VÀ XÂY DỰNG CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Số 52, Đường Cách Mạng Tháng 8, Phường Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

3.10. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bán ra trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

3.11. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh chi phí lãi vay phát sinh trong kỳ.

3.12. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí lắp đặt hệ thống nước cho khách hàng là hộ gia đình, chi phí thay thế đồng hồ nước, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (cả hoạt động lắp đặt),...

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (liên lương, liên công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuê môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng).

3.13. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành là 20%.

Ưu đãi, miễn giảm thuế

Theo Thông tư 96/2015/TT-BTC, Công ty được hưởng mức thuế suất ưu đãi 10% trong suốt thời gian hoạt động đối với hoạt động cung cấp nước sạch.

Theo Nghị quyết số 116/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 19 tháng 06 năm 2020, Công ty được giảm 30% số thuế Thu nhập doanh nghiệp phải nộp của năm 2020.

Thuế giá trị gia tăng

Thuế giá trị gia tăng của các hàng hóa và dịch vụ do Công ty cung cấp được tính theo các mức thuế như sau:

- Cung cấp nước: 5%;
- Dịch vụ lắp đặt: 10%.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VÀ XÂY DỰNG CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Số 52, Đường Cách Mạng Tháng 8, Phường Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các loại thuế khác

Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

3.14. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

3.15. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ và tổng số cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

3.16. Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác biệt với các bộ phận kinh doanh khác hoặc khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

3.17. Các bên liên quan

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty. Công ty liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm các giám đốc, các cán bộ điều hành của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan.

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

4.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Tại ngày 31/12/2020 VND	Tại ngày 01/01/2020 VND
Tiền mặt	50.616.337	66.208.533
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	2.245.826.923	7.838.815.577
Các khoản tương đương tiền	4.300.000.000	3.000.000.000
Cộng	6.596.443.260	10.905.024.110

Các khoản lương đương tiền là các khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng với lãi suất từ 3,6%/năm đến 3,8%/năm.

4.2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Là khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 06 tháng đến 12 tháng với lãi suất từ 5,3%/năm đến 6,4%/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VÀ XÂY DỰNG CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Số 52, Đường Cách Mạng Tháng 8, Phường Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.3. Phải thu của khách hàng**

	Tại ngày 31/12/2020 VND	Tại ngày 01/01/2020 VND
Ngắn hạn:		
Phải thu khách hàng là các bên liên quan – Xem thêm mục 8	3.807.140.877	8.023.453.981
Các khách hàng khác	1.753.600.300	2.216.827.089
Cộng	<u>5.560.741.177</u>	<u>10.240.281.070</u>
Dài hạn:		
Ban Quản lý dự án TP. Biên Hòa	1.905.873.020	1.289.881.020
Các khách hàng khác	206.623.052	232.394.328
Cộng	<u>2.112.496.072</u>	<u>1.522.275.348</u>

Tại ngày 31/12/2020, phải thu các khách hàng khác ngắn hạn và dài hạn có số dư mỗi khách hàng dưới 10% tổng số phải thu khách hàng ngắn hạn hoặc dài hạn.

4.4. Phải thu ngắn hạn khác

	Tại ngày 31/12/2020 VND		Tại ngày 01/01/2020 VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ký cược, ký quỹ	3.104.846.387	-	60.288.400	
Tạm ứng	350.000.000	-	77.089.000	-
Phải thu khác	-	-	47.834.096	-
Cộng	<u>3.454.846.387</u>	<u>-</u>	<u>185.211.496</u>	<u>-</u>

(Xem trang tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.5. Nợ xấu

	Tại ngày 31/12/2020 VND		Tại ngày 01/01/2020 VND	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi	1.766.887.373	62.267.926	1.741.442.254	69.241.709

Thời gian quá hạn và giá trị các khoản nợ phải thu quá hạn theo từng đối tượng được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/12/2020 VND			Tại ngày 01/01/2020 VND		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn
Bar Quản lý dự án TP. Biên Hòa	1.289.881.020	-	Trên 3 năm	1.289.881.020	-	Trên 3 năm
UBND Phường Long Bình	119.110.879	-	Trên 3 năm	144.882.155	-	Trên 3 năm
Công ty TN-HH Xây Dựng Duy Tiên	87.512.173	-	Trên 3 năm	87.512.173	-	Trên 3 năm
Các khách hàng khác	270.383.301	62.267.926	Từ 6 tháng đến 3 năm	219.166.906	69.241.709	Từ 6 tháng đến 3 năm
Cộng	1.766.887.373	62.267.926		1.741.442.254	69.241.709	

4.6. Hàng tồn kho

	Tại ngày 31/12/2020 VND		Tại ngày 01/01/2020 VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	864.963.975	-	630.180.597	-
Công cụ, dụng cụ	10.338.000	-	59.841.000	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	5.471.233.210	-	580.210.860	-
Cộng	6.346.535.185	-	1.270.232.457	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.7. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá:					
Tại ngày 01/01/2020	17.484.423.234	25.501.518.179	56.321.568.003	460.340.999	99.767.850.415
Mua trong năm	-	-	-	37.600.000	37.600.000
Tại ngày 31/12/2020	17.484.423.234	25.501.518.179	56.321.568.003	497.940.999	99.805.450.415
Giá trị hao mòn lũy kế:					
Tại ngày 01/01/2020	14.001.776.434	19.549.917.917	24.295.863.619	351.533.417	58.199.091.387
Khấu hao trong năm	784.732.244	2.007.354.135	3.113.706.471	110.060.916	6.015.853.766
Tại ngày 31/12/2020	14.786.508.678	21.557.272.052	27.409.570.090	461.594.333	64.214.945.153
Giá trị còn lại:					
Tại ngày 01/01/2020	3.482.646.800	5.951.600.262	32.025.704.384	108.807.582	41.568.759.028
Tại ngày 31/12/2020	2.697.914.556	3.944.246.127	28.911.997.913	36.346.666	35.590.505.262

Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình là 25.985.179.842 VND đã được dùng để thế chấp, cầm cố, đảm bảo cho các khoản vay – Xem thêm mục 4.12.

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 19.457.024.729 VND.

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VÀ XÂY DỰNG CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Số 52, Đường Cách Mạng Tháng 8, Phường Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.8. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Tại ngày 31/12/2020 VND		Tại ngày 01/01/2020 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
CTCP Nhựa Thiếu niên Tiền Phong Phía Nam	1.010.023.068	1.010.023.068	-	-
Công ty TNHH Ống Gang Cầu Đài Việt	1.003.715.900	1.003.715.900	-	-
CTCP Hawaco Miền Nam	478.500.000	478.500.000	-	-
Phải trả cho các đối tượng khác	393.812.202	393.812.202	802.754.716	802.754.716
Cộng	<u>2.886.051.170</u>	<u>2.886.051.170</u>	<u>802.754.716</u>	<u>802.754.716</u>

4.9. Người mua trả trước ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2020 VND	Tại ngày 01/01/2020 VND
Công ty Cổ phần Đầu tư Tín Nghĩa Á Châu	1.790.167.450	-
Công ty TNHH Kinh doanh Bất Động Sản Ngân Hà	1.100.000.000	600.000.000
Các khách hàng khác	252.518.355	8.182.200
Cộng	<u>3.142.685.805</u>	<u>608.182.200</u>

(Xem trang tiếp theo)

3288
GT
HÀ
XÂY
ƯỚC
NA
T. Đ

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.10. Thuế và các khoản phải thu/phải nộp Nhà nước

	Tại ngày 31/12/2020 VND		Trong năm VND		Tại ngày 01/01/2020 VND	
	Phải thu	Phải nộp	Phải nộp	Đã nộp	Phải thu	Phải nộp
Thuế giá trị gia tăng	206.092.097	-	1.041.145.561	1.354.585.991	-	107.348.333
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	8.236.004	534.997.522	269.758.658	257.002.860	-
Thuế thu nhập cá nhân	-	3.000.000	496.004.340	500.804.340	-	7.800.000
Thuế tài nguyên	-	19.312.210	241.353.440	240.242.620	-	18.201.390
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	-	66.189.930	66.189.930	-	-
Các khoản phí, lệ phí	-	444.308.005	3.857.082.158	3.868.480.773	-	455.706.620
Các loại thuế khác	-	-	3.000.000	3.000.000	-	-
Cộng	206.092.097	474.856.219	6.239.772.951	6.303.062.312	257.002.860	589.056.343

4.11. Phải trả người lao động

	Tại ngày 31/12/2020 VND	Tại ngày 01/01/2020 VND
Tiền lương	1.118.752.760	1.230.639.760
Tiền thưởng	1.688.073.000	1.438.932.000
Trích dự phòng quỹ tiền lương	1.384.762.791	510.463.572
Cộng	4.191.593.551	3.180.035.332

(Xem trang tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.12. Vay và nợ thuê tài chính

Các khoản vay được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/12/2020 VND		Trong năm VND		Tại ngày 01/01/2020 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn	5.625.000.000	5.625.000.000	5.625.000.000	5.625.000.000	5.625.000.000	5.625.000.000
Vay dài hạn	10.781.250.000	10.781.250.000	-	5.625.000.000	16.406.250.000	16.406.250.000
Cộng	16.406.250.000	16.406.250.000	5.625.000.000	11.250.000.000	22.031.250.000	22.031.250.000

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất	Tại ngày 31/12/2020 VND	Tại ngày 01/01/2020 VND
<i>Vay dài hạn đến hạn trả:</i> Quỹ đầu tư phát triển tỉnh Đồng Nai	VND	7%/năm	5.625.000.000	5.625.000.000

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất	Tại ngày 31/12/2020 VND	Tại ngày 01/01/2020 VND
<i>Vay dài hạn:</i> Quỹ đầu tư phát triển tỉnh Đồng Nai	VND	7%/năm	10.781.250.000	16.406.250.000

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VÀ XÂY DỰNG CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Số 52, Đường Cách Mạng Tháng 8, Phường Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Thông tin về tài sản cầm cố, thế chấp đảm bảo cho các khoản vay như sau:

- Hệ thống phân phối nước khu vực 04 phường xã: Hóa An, Tân Hạnh, Bửu Hòa và Tân Vạn;
- Xe tải ben HD601,8 tấn biển số 60C 212 57;
- Xe toyota Zace 8 chỗ, biển số 60A 227 82;
- Xe tải nhẹ KIA biển số 60C 212 62.

Giá trị còn lại của các khoản tài sản cầm cố thế chấp là 25.985.179.842 VND – Xem thêm mục 4.7.

4.13. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Quỹ khen thưởng, phúc lợi VND
Tại ngày 01/01/2020	5.377.738.624
Trích trong năm	1.463.726.513
Chi trong năm	(1.493.112.000)
Tại ngày 31/12/2020	5.348.353.137

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VÀ XÂY DỰNG CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.14. Vốn chủ sở hữu

4.14.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu				Cộng VND
	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	
Tại ngày 01/01/2019	23.450.000.000	31.510.500	4.180.507.341	15.587.892.607	43.249.910.448
Lãi trong năm trước	-	-	-	6.725.450.077	6.725.450.077
Trích các quỹ đầu tư phát triển	-	-	2.150.840.588	(2.150.840.588)	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(2.163.614.500)	(2.163.614.500)
Chia cổ tức	-	-	-	(5.862.500.000)	(5.862.500.000)
Tại ngày 01/01/2020	23.450.000.000	31.510.500	6.331.347.929	12.136.387.596	41.949.246.025
Lãi trong năm nay	-	-	-	5.617.101.451	5.617.101.451
Trích các quỹ đầu tư phát triển	-	-	1.008.817.512	(1.008.817.512)	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(1.463.726.513)	(1.463.726.513)
Chia cổ tức	-	-	-	(4.690.000.000)	(4.690.000.000)
Tại ngày 31/12/2020	23.450.000.000	31.510.500	7.340.165.441	10.590.945.022	41.412.620.963

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VÀ XÂY DỰNG CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Số 52, Đường Cách Mạng Tháng 8, Phường Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.14.2. Cổ phiếu**

	<u>Tại ngày 31/12/2020</u>	<u>Tại ngày 01/01/2020</u>
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	2.345.000	2.345.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã bán ra công chúng	2.345.000	2.345.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	2.345.000	2.345.000

Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần.

4.14.3. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	<u>Năm 2020 VND</u>	<u>Năm 2019 VND</u>
Lãi sau thuế của cổ đông của Công ty (Tạm) Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	5.617.101.451 (954.907.247)	6.725.450.077 (1.143.326.513)
Lãi sau thuế để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	4.662.194.204	5.582.123.564
Số cổ phần lưu hành bình quân trong năm	2.345.000	2.345.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>1.988</u>	<u>2.380</u>

4.14.4. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

	<u>Năm 2020 VND</u>	<u>Năm 2019 VND</u>
Lãi sau thuế của cổ đông của Công ty (Tạm) Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	5.617.101.451 (954.907.247)	6.725.450.077 (1.143.326.513)
Lãi để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	4.662.194.204	5.582.123.564
Số lượng cổ phiếu để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	2.345.000	2.345.000
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	<u>1.988</u>	<u>2.380</u>

Quỹ khen thưởng phúc lợi được trừ ra khi tính lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu được ước tính dựa vào tỷ lệ phân bổ lợi nhuận sau thuế dự kiến năm 2020 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 08/CBTT-DVW ngày 21 tháng 04 năm 2020.

4.14.5. Các quỹ của doanh nghiệp

	<u>Quỹ đầu tư phát triển VND</u>
Tại ngày 01/01/2020	6.331.347.929
Trích trong năm	1.008.817.512
Tại ngày 31/12/2020	<u>7.340.165.441</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VÀ XÂY DỰNG CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Số 52, Đường Cách Mạng Tháng 8, Phường Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****5.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Doanh thu cấp nước	38.163.268.100	35.412.342.550
Doanh thu hoạt động xây lắp	9.283.831.151	28.039.633.361
Cộng	47.447.099.251	63.451.975.911
Trong đó, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan – Xem thêm mục 8	2.455.472.462	15.187.265.315

5.2. Giá vốn hàng bán

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Giá vốn hoạt động cấp nước	21.217.721.757	20.781.632.241
Giá vốn hoạt động xây lắp	9.015.599.725	23.741.849.431
Cộng	30.233.321.482	44.523.481.672

5.3. Doanh thu hoạt động tài chính

Là lãi tiền gửi phát sinh trong năm.

5.4. Chi phí tài chính

Là chi phí lãi vay phát sinh trong năm.

5.5. Chi phí bán hàng

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Chi phí nhân viên	2.347.574.943	1.822.058.281
Chi phí dụng cụ đồ dùng	1.251.399.404	1.044.769.930
Chi phí khác	455.604.020	444.384.573
Cộng	4.054.578.367	3.311.212.784

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VÀ XÂY DỰNG CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Số 52, Đường Cách Mạng Tháng 8, Phường Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**5.6. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Chi phí nhân viên quản lý	5.662.733.534	3.450.527.385
Chi phí dự phòng	32.418.902	(887.175.298)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	455.405.037	844.417.017
Chi phí khác	762.991.377	3.116.031.728
Cộng	6.913.548.850	6.523.800.832

5.7. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	11.683.057.692	16.948.081.971
Chi phí nhân công	22.584.162.556	21.050.322.558
Chi phí khấu hao tài sản cố định	6.128.976.324	10.101.268.460
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.735.048.605	3.881.542.990
Chi phí dự phòng	32.418.902	(887.175.298)
Chi phí khác bằng tiền	1.928.806.970	3.844.665.467
Cộng	46.092.471.049	54.938.706.148

5.8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành được xác định như sau:

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế trong năm	6.152.098.974	7.911.115.330
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	240.000.000	312.000.000
Trừ: Thu nhập từ hoạt động khác chịu thuế suất 20%	(1.250.722.774)	(3.633.537.200)
Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh cấp nước	5.141.376.200	4.589.578.130
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	10%	10%
Chi phí thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh cấp nước	514.137.620	458.957.813
Cộng: Thuế TNDN từ hoạt động khác chịu thuế suất 20%	250.144.554	726.707.440
Chi phí thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh	764.282.174	1.185.665.253
Trừ: Thuế TNDN được miễn giảm 30% theo nghị quyết số 116/2020/QH14	(229.284.652)	-
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	534.997.522	1.185.665.253

Các khoản điều chỉnh tăng, giảm thu nhập chịu thuế chủ yếu là các khoản mục theo qui định của Luật thuế TNDN không được xem là chi phí/thu nhập khi tính thuế.

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ**6.1. Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm**

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	(5.625.000.000)	(5.625.000.000)

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VÀ XÂY DỰNG CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Số 52, Đường Cách Mạng Tháng 8, Phường Quyết Thắng, TP. Bình Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**7. BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Nhằm phục vụ mục đích quản lý, Công ty có quy mô hoạt động trên toàn quốc phân chia hoạt động của mình thành các bộ phận chính yếu theo lĩnh vực sản xuất kinh doanh như sau:

- Cung cấp nước sạch
- Dịch vụ lắp đặt

	Cung cấp nước sạch		Dịch vụ lắp đặt		Tổng cộng	
	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Doanh thu						
Từ khách hàng bên ngoài	38.163.268.100	35.412.342.550	9.283.831.151	28.039.633.361	47.447.099.251	63.451.975.911
Kết quả kinh doanh						
Kết quả của bộ phận	16.945.546.343	14.630.710.309	268.231.426	4.293.856.764	17.213.777.769	18.924.567.073
Chi phí không phân bổ					10.968.127.217	9.835.013.616
Thu nhập tài chính					1.223.054.025	524.147.984
Chi phí tài chính					1.357.539.000	1.746.163.000
Lợi nhuận khác					40.933.396	43.576.889
Lợi nhuận trước thuế					6.152.098.973	7.911.115.330
Thuế thu nhập doanh nghiệp					534.997.522	1.185.665.253
Lợi nhuận sau thuế					5.617.101.451	6.725.450.077
Các thông tin khác						
					Tại ngày 31/12/2020 VND	Tại ngày 01/01/2020 VND
Tổng tài sản của bộ phận					74.927.614.671	77.940.447.149
Nợ phải trả không phân bổ					33.514.993.708	35.991.201.124
	Cung cấp nước sạch		Dịch vụ lắp đặt		Tổng cộng	
	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Chi phí mua sắm tài sản trong kỳ	37.600.000	-	-	239.500.000	37.600.000	239.500.000
Chi phí khấu hao trong kỳ	5.801.932.101	9.699.852.637	327.044.223	401.415.823	6.128.976.324	10.101.268.460

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**Theo khu vực địa lý**

Công ty không có báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý vì hoạt động của Công ty hoàn toàn tại tỉnh Đồng Nai nên không có sự khác nhau về rủi ro và lợi ích kinh tế theo khu vực địa lý cần thiết phải thuyết minh.

8. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN**Danh sách các bên liên quan****Mối quan hệ**

1. Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai
2. Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc

Nhà đầu tư có ảnh hưởng đáng kể
Nhân sự quản lý chủ chốt

Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư phải thu (phải trả) với các bên liên quan như sau:

	Tại ngày 31/12/2020 VND	Tại ngày 01/01/2020 VND
Phải thu ngắn hạn khách hàng – Xem thêm mục 4.3:		
Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai	3.807.140.877	8.023.453.981
	Tại ngày 31/12/2020 VND	Tại ngày 01/01/2020 VND
Trả trước cho người bán ngắn hạn:		
Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai	24.112.760	60.281.849
	Tại ngày 31/12/2020 VND	Tại ngày 01/01/2020 VND
Phải trả ngắn hạn khác:		
Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai	(293.508.224)	(293.508.224)

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Cung cấp dịch vụ – Xem thêm mục 5.1:		
Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai	2.456.921.462	15.187.265.315

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VÀ XÂY DỰNG CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Số 52, Đường Cách Mạng Tháng 8, Phường Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

	<u>Năm 2020</u> <u>VND</u>	<u>Năm 2019</u> <u>VND</u>
Mua hàng:		
Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai	39.348.466	688.520.645

Thù lao của Hội đồng quản trị, thu nhập của Ban Giám đốc và các nhân viên quản lý chủ chốt khác được hưởng trong năm như sau:

Tên	Chức vụ	<u>Năm 2020</u> <u>VND</u>	<u>Năm 2019</u> <u>VND</u>
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Chủ tịch (Bổ nhiệm ngày 20 tháng 04 năm 2020)	274.080.000	-
Ông Nguyễn Cao Hà	Chủ tịch (Miễn nhiệm ngày 20 tháng 04 năm 2020)	96.000.000	173.000.000
Ông Đặng Nguyễn Thanh An	Thành viên (Đổ nhiệm ngày 20 tháng 04 năm 2020)	56.000.000	-
Ông Đặng Trọng Thành	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 20 tháng 04 năm 2020)	83.000.000	141.000.000
Ông Trần Chiến Thắng	Thành viên/Phó Giám đốc	659.800.000	622.560.000
Ông Phạm Văn Hội	Nguyên Giám đốc	80.200.000	517.037.000
Ông Phạm Ngọc Tú	Giám đốc	567.840.000	218.640.000
Ông Phan Bình	Phó Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 01 tháng 05 năm 2020)	320.280.000	516.260.000
Ông Lê Chí Nguyên Thăng	Kế toán trưởng	476.800.000	435.460.000
Cộng		<u>2.614.000.000</u>	<u>2.623.957.000</u>

9. THU NHẬP CỦA BAN KIỂM SOÁT

	<u>Năm 2020</u> <u>VND</u>	<u>Năm 2019</u> <u>VND</u>
Tiền lương và các chi phí hoạt động	487.400.000	450.784.000

10. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đến ngày phát hành báo cáo tài chính.



Phạm Ngọc Tú
Tổng Giám đốc

Đồng Nai, ngày 08 tháng 03 năm 2021

Lê Chí Nguyên Thăng
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Hoa
Người lập

THE POWER OF BEING UNDERSTOOD

AUDIT | TAX | CONSULTING

RSM Vietnam

5th Floor, Sai Gon 3 Building,
140 Nguyen Van Thu Street,
Da Kao Ward, District 1,
Ho Chi Minh City, Vietnam

T +8428 3827 5026
F +8428 3827 5027

Ha Noi Office
25th Floor, Tower A, Discovery Complex Building,
No.302 Cau Giay Street, Dich Vong Ward, Cau Giay District,
Hanoi, Vietnam

T +8424 3795 5353
F +8424 3795 5252

Central Office
3th Floor, 142 Xo Viet Nghe Tinh Street,
Hoa Cuong Nam Ward, Hai Chau District,
Da Nang, Vietnam

T +84236 363 3334
F +84236 363 3335

